

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG AN BÌNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG AN BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300978900

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 22, đường Đào Tấn, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0914 969 979

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                          | 2399                                                         |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                  | 7710                                                         |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                    | 4659                                                         |
| 4.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                              | 4100                                                         |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                     | 4330                                                         |
| 6.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                           | 2395(Chính)                                                  |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                               | 7410                                                         |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                          | 4610                                                         |
| 9.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                    | 0810                                                         |
| 10. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                            | 3320                                                         |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                     | 4933                                                         |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                         | 4290                                                         |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                    | 4322                                                         |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                       | 2592                                                         |
| 15. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                              | 2392                                                         |
| 16. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                             | 2821                                                         |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                            | 4663                                                         |
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                | 4662                                                         |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                  | 4669                                                         |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                | 7730                                                         |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                              | 4321                                                         |
| 22. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                         | 2391                                                         |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                 | 4649                                                         |
| 24. | (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HẢI BA  | Khu Bò Sơn, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 800.000    | 8.000.000.000         | 40,000    | 125396069                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 800.000    | 8.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG THỊ HOA  | Đường 36, Mao Trung, Xã Phụng Mao, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 50,000    | 125210749                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGÔ XUÂN DƯƠNG | Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 125196242                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ XUÂN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125196242

Ngày cấp: 02/08/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 04/04/2017 đến ngày 04/05/2017

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh